

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Đàm Thị Thanh Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:**
Bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày
28 tháng 4 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18
tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày
04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh Vũ Hữu H, sinh năm 1983; nơi thường trú: khu G,
phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu G, phường P, tỉnh Quảng Ninh);

Căn cước công dân số 022083013348; ngày cấp 16/11/2023, tại Cục Cảnh
sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** chị Dương Thị H1, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: khu
G, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu G, phường P, tỉnh Quảng
Ninh); nơi ở hiện nay: Đài Loan (không rõ địa chỉ);

Chứng minh nhân dân số A; ngày cấp 29/8/2002, tại Công an tỉnh Q. Vắng
mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Vũ Hữu H
trình bày: anh Vũ Hữu H và chị Dương Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ninh (nay là
phường P, tỉnh Quảng Ninh) ngày 20/12/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc
đến năm 2016, thì chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu chị H1
có gọi điện về hỏi thăm chồng con. Sau đó do khoảng cách địa lý, anh H và chị H1

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị H1 không gọi điện về cho anh H nữa. Hiện nay, chị H1 đã hết thời hạn hợp đồng lao động nhưng vẫn sinh sống ở Đài Loan bất hợp pháp nên không cho anh H biết địa chỉ cụ thể của chị H1 tại Đài Loan. Anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh H được ly hôn chị H1.

Về con chung: anh H và chị H1 có hai con chung là Vũ Nam K, sinh ngày 09/11/2006 và Vũ Thị Minh H2, sinh ngày 09/11/2011. Con chung Vũ Nam K đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Vũ Thị Minh H2: khi Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H1, anh H đề nghị Tòa án giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh H không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Công văn số: 1665/XNC (Đ1) ngày 12/5/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Dương Thị H1 như sau: trường hợp Dương Thị H1, sinh ngày 27/9/1984 đã sử dụng hộ chiếu số C0989216 xuất cảnh ngày 30/9/2023 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế T, chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2025, của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bà Vũ Thị D, sinh năm 1960; nơi thường trú: khu G, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu G, phường P, tỉnh Quảng Ninh), thể hiện nội dung: bà D là mẹ đẻ của chị Dương Thị H1, chị H1 và anh H kết hôn năm 2005, vợ chồng chung sống bình thường cho đến khi chị H1 đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị H1 đi lao động tại Đài Loan từ năm 2017, bà D không biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc của chị H1 tại Đài Loan ở đâu, chị H1 không nói cho bà D biết vì chị H1 đã hết hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan nhưng không về mà vẫn ở lại lao động để kiếm tiền. Bà D và chị H1 vẫn liên lạc với nhau qua mạng Zalo nhưng chỉ có chị H1 liên lạc với bà D là chính, còn bà D muốn liên lạc với chị H1 thường không liên lạc được do chị H1 phải đi làm. Bà D đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 38/2025/TB-TLVA ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, bà D cam đoan sẽ thông báo cho chị H1 được biết, để chị H1 có thể thu xếp được thì về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm việc hoặc làm bản tự khai gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Do chị H1 đang ở nước ngoài chưa về được nên bà D đề nghị Tòa án xem xét: nếu giải quyết cho anh H và chị H1 ly hôn thì giao cháu Vũ Thị Minh H2 cho chị H1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H2, vì các con chung của chị H1 và anh H đang ở cùng với anh H tại căn nhà do anh H và chị H1 xây trên đất của bố mẹ anh H nhưng rất chật chội, anh H thường xuyên không về nhà.

* Ngày 27/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã gửi Văn bản số: 54/2025/CV-TA cho bà Vũ Thị D, sinh năm 1960; nơi thường trú: khu G, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu G, phường P, tỉnh Quảng Ninh), về việc:

đề nghị bà D cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi ở hiện nay của chị Dương Thị H1; đề nghị bà D thông báo cho chị H1 biết về việc: chị H1 có quyền, nghĩa vụ viết bản tự khai thể hiện quan điểm của chị H1 đối với các yêu cầu khởi kiện của anh H gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: khu đô thị C, phường C, tỉnh Quảng Ninh trước ngày 13/6/2025. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả.

* Tại Biên bản ghi nguyên vọng của con chung ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với cháu Vũ Thị Minh H2, sinh ngày 09/11/2011 là con chung của anh Vũ Hữu H và chị Dương Thị H1 thể hiện nội dung: nếu bố mẹ ly hôn, cháu H2 có nguyên vọng được ở với bố.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn anh Vũ Hữu H đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Hữu H như nêu trên. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hữu H đối với chị Dương Thị H1.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Hữu H và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn chị Dương Thị H1, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: khu G, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu G, phường P, tỉnh Quảng Ninh) hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; Điều 4 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn anh Vũ Hữu H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Dương Thị H1, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân trong gia đình, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị Dương

Thị H1 đăng ký thường trú. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Hữu H và chị Dương Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường P, tỉnh Quảng Ninh) ngày 20/12/2005, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016; năm 2017, chị H1 đi lao động tại Đài Loan. Theo anh H trình bày: thời gian đầu chị H1 có gọi điện về hỏi thăm chồng con nhưng sau đó do khoảng cách địa lý, anh H và chị H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị H1 không gọi điện về cho anh H nữa. Anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh H được ly hôn với chị H1. Theo bà Vũ Thị D, là mẹ của chị H1 trình bày: chị H1 và anh H kết hôn năm 2005, vợ chồng chung sống bình thường cho đến khi chị H1 đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà D không biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc của chị H1 tại Đài Loan ở đâu, chị H1 không nói cho bà D biết vì chị H1 đã hết hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan nhưng không về mà vẫn ở lại lao động để kiếm tiền. Bà D đề nghị Tòa án xem xét: nếu giải quyết cho anh H và chị H1 ly hôn thì giao cháu Vũ Thị Minh H2 cho chị H1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H2, vì các con chung của chị H1 và anh H đang ở cùng với anh H tại căn nhà do anh H và chị H1 xây trên đất của bố mẹ anh H nhưng rất chật chội, anh H thường xuyên không về nhà.

Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: anh H và chị H1 không còn tồn tại đời sống chung vợ chồng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H đối với chị H1.

[2.2] Về con chung: anh Vũ Hữu H và chị Dương Thị H1 có hai con chung là Vũ Nam K, sinh ngày 09/11/2006 và Vũ Thị Minh H2, sinh ngày 09/11/2011. Đối với con chung Vũ Nam K đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng; đối với con chung Vũ Thị Minh H2, anh H có yêu cầu, quan điểm như nêu trên và bà Vũ Thị D, là mẹ đẻ của chị H1 có đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Thị Minh H2 cho chị H1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H2 khi anh H và chị H1 ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy: từ khi chị H1 đi lao động tại Đài

Loan, các con chung ở cùng với anh H. Chị H1 hiện nay vẫn sinh sống, làm việc tại Đà Loan nhưng không rõ địa chỉ. Cháu Vũ Thị Minh H2 có nguyện vọng muốn được ở với bố (nếu bố mẹ ly hôn). Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H đối với chị H1 nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của anh H về phần nuôi con: giao cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Thị Minh H2 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị H1 không phải cấp dưỡng cho con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Vũ Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Vũ Hữu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hữu H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hữu H được ly hôn với chị Dương Thị H1.

[2] Về con chung: giao cho anh Vũ Hữu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Thị Minh H2, sinh 09/11/2011 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thị H1 không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Dương Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị Dương Thị H1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Vũ Hữu H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc

nhận thấy anh Vũ Hữu H không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Dương Thị H1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Con chung Vũ Nam K, sinh ngày 09/11/2006 đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự. Anh Vũ Hữu H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Vũ Hữu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Vũ Hữu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006018 ngày 28/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Q).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Vũ Hữu H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; chị Dương Thị H1 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa Phúc thẩm - TAND tối cao tại Hà Nội;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường P, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng